

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 549/2023/KDTM-PT
Ngày: 10-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thu Chinh

Ông Đỗ Quốc Đạt

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Thy Thơ – Thư ký Toà án nhân dân
Thành phố H.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: ông
Trần Việt Anh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24-4-2023 và 10-5-2023, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành
phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2023/TLPT-KDTM ngày
21-02-2023 về tranh chấp “hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 147/2022/KDTM-ST ngày 29-9-2022 của
Toà án nhân dân Quận 7 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1500/2023/QĐ-PT ngày 05-4-2023,
Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 4520/2023/QĐ-PT ngày 24-4-2023, giữa các
đương sự:

Nguyên đơn: Tổng Công ty V

Địa chỉ: Tầng 15 Tòa nhà S, số 111A P, phường BN, Quận Q, Thành phố
H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L; sinh năm
1979; Địa chỉ: Căn D11.11 Chung cư J, số 60 đường S, phường Phú Hữu, thành
phố TĐ, Thành phố H; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số
155/UQ-TCT-TM ngày 18-5-2022) (có mặt).

Bị đơn: Công ty T

Địa chỉ: Lầu 6 toà nhà L, số 801 đại lộ NVL, phường TP, Quận U, Thành
phố H.

Địa chỉ: 854-856 TQB, Phường T, Quận I, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Thành V, sinh năm 1956; Địa chỉ: D199 LTT, ấp PL, xã ĐP, huyện NT, tỉnh ĐN; Bà Lê Ngọc H, sinh năm 1986; Địa chỉ: Lầu 6 toà nhà L, số 801 đại lộ NVL, phường TP, Quận U, Thành phố H; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy ngày 15-6-2022) (có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn Công ty T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 25-11-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Tổng Công ty V (sau đây gọi tắt là F) ký hợp đồng mua bán số CSCECVN-SEA-DP73-SUPL-038 ngày 15-5-2019 và Phụ lục hợp đồng số CSCECVN-SEA-DP73-SUPL-038.01 ngày 01-8-2019 với Công ty T (sau đây gọi tắt là Công ty T) về việc cung cấp gạch các loại cho Công ty T.

Từ ngày 11-9-2019 đến ngày 25-11-2019, F đã xuất bán cho Công ty T tổng giá trị hàng hóa là 7.329.046.560 đồng, tương ứng với 10 (mười) hóa đơn giá trị gia tăng: số 0002170 ngày 11-9-2019, số 0002179 ngày 20-9-2019, số 0002183 ngày 30-9-2019, số 0002351 ngày 29-10-2019, số 0002352 ngày 29-10-2019, số 0002356 ngày 31-10-2019, số 0000265 ngày 25-11-2019, số 0000266 ngày 25-11-2019, số 0000267 ngày 25-11-2019, số 0000268 ngày 25-11-2019.

Thực hiện hợp đồng, F đã hoàn thành giao hàng và bàn giao đầy đủ các hóa đơn tài chính, hồ sơ thanh toán. Công ty T đã thanh toán 6.830.435.606 đồng của các hóa đơn giá trị gia tăng: Số 0002170 ngày 11-9-2019, số 0002179 ngày 20-9-2019, số 0002183 ngày 30-9-2019, số 0002351 ngày 29-10-2019, số 0002352 ngày 29-10-2019, số 0002356 ngày 31-10-2019, số 0000265 ngày 25-11-2019.

Số tiền còn lại chưa thanh toán 498.610.954 đồng theo các hoá đơn giá trị gia tăng ngày 25-11-2019: Hóa đơn số 0000266 còn nợ 333.650.554 đồng, hóa đơn số 0000267: 124.700.400 đồng, hóa đơn số 0000268: 40.260.000 đồng. F nhiều lần yêu cầu, đôn đốc thanh toán, tuy nhiên đến nay Công ty T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghiêm trọng thoả thuận của các bên và xâm phạm trực tiếp đến quyền lợi hợp pháp của F.

Tính đến ngày 29-9-2022 bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng cộng 597.615.581 đồng, trong đó nợ gốc 498.610.954 đồng, tiền lãi chậm thanh toán 99.004.627 đồng, theo mức lãi suất nợ quá hạn là 7.2%/năm.

Căn cứ khoản 3.4 Điều 3 của Hợp đồng: “Nếu quá hạn thanh toán được quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này mà Bên Mua chưa thanh toán cho Bên Bán thì Bên Mua có trách nhiệm phải thanh toán đầy đủ khoản nợ gốc quá hạn, tiền lãi do nợ quá hạn phát sinh tương ứng với thời gian chậm thanh toán. Lãi suất cho số nợ quá hạn được hai bên thống nhất áp dụng như sau: Lãi suất phạt nợ quá hạn của Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Hồ Chí Minh đối với Bên Bán vào thời

điểm hai bên ký kết hợp đồng”. Theo đó, mức lãi suất trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng tháng 5-2019 của Ngân hàng BIDV cho F vay là 7.2%/năm, lãi suất nợ quá hạn là $7.2\%/năm \times 150\% = 10.8\%/năm$ (0,9%/tháng). Công ty T đã vi phạm thời hạn thanh toán từ 27-12-2019, nên tiền lãi nợ quá hạn phát sinh từ ngày 27-12-2019 tính đến ngày 29-9-2022 với mức lãi suất 10.8%/năm (0,9%/tháng) là 99.004.627 đồng.

F yêu cầu Công ty T trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại các bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ người đại diện của bị đơn Công ty T trình bày:

Công ty T có ký hợp đồng mua bán số CSCECVN-SEA-DP73- SUPL-038 ngày 15-5-2019 và Phụ lục hợp đồng số CSCECVN-SEA-DP73- SUPL-038.01 ngày 01-8-2019 với F để mua gạch. Tuy nhiên, F đã giao gạch sai kích thước (độ dày) gây ảnh hưởng đến kỹ thuật thi công, khó khăn cho công tác ốp lát, làm chậm tiến độ thi công, thời gian thay thế nhà thầu thi công mất hết 48 ngày kể từ ngày phê duyệt lại mẫu, dẫn đến việc chủ đầu tư yêu cầu Công ty T phải bồi thường 10.912.900.000 đồng do chậm trễ tiến độ, trách nhiệm là của F.

Căn cứ Điều 2.3 Hợp đồng: *“Nếu có xuất hiện bất kỳ khuyết điểm nào, màu sắc không thống nhất như Bên Mua yêu cầu thì Bên Bán chịu toàn bộ trách nhiệm”*, bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải giảm trừ đơn giá gạch theo tỷ lệ độ dày bị thiếu hụt như sau: Loại gạch Point Grey số lượng 876 m, đơn giá 690.000 đồng, tỷ lệ giảm trừ 30% là 181.332.000 đồng. Loại gạch Loop Anthracite số lượng 3131 m, đơn giá 680.000 đồng, tỷ lệ giảm trừ 55% là 20.907.000 đồng. Loại gạch Point stand số lượng 101 m, đơn giá 690.000 đồng, tỷ lệ giảm trừ 30% là 1.170.994.000 đồng. Tổng cộng: 1.510.556.300 đồng đã bao gồm VAT.

Nguyên đơn lập hoá đơn điều chỉnh giảm và hoàn trả lại bị đơn số tiền chênh lệch là 1.011.945.346 (một tỷ không trăm mười một triệu chín trăm bốn mươi lăm ngàn ba trăm bốn mươi sáu) đồng: Số tiền yêu cầu giảm trừ là 1.510.556.300 đồng - Số tiền chưa thanh toán theo hóa đơn là 498.610.954 đồng = Số tiền hoàn lại 1.011.945.346 đồng. Trường hợp nguyên đơn không chấp nhận điều chỉnh giảm đơn giá theo đề xuất trên, thì cho đến khi có kết quả tranh chấp khoản tiền bồi thường do chậm trễ tiến độ thi công giữa bị đơn và chủ đầu tư dự án, bị đơn sẽ tiến hành xác định toàn bộ thiệt hại liên quan khởi kiện yêu cầu nguyên đơn phải bồi thường theo hợp đồng đã ký.

Căn cứ theo khoản 1 và khoản 3 Điều 51 Luật Thương mại 2005 và biên bản hiện trường nhập vật tư gạch ốp lát, biên bản duyệt lại mẫu theo thực tế, do nguyên đơn vi phạm hợp đồng, giao hàng không đúng quy cách theo hợp đồng, sai kích thước, khác mẫu đã trình duyệt: Hai loại gạch thiếu hụt 3mm tương đương 30% chiều dày so với quy cách hợp đồng, nguyên đơn phải giảm trừ 30% đơn giá của hai loại gạch số tiền 222.349.050 (hai trăm hai mươi hai triệu ba trăm bốn mươi chín ngàn không trăm năm mươi) đồng, cần trừ vào số tiền gốc 498.610.954 đồng. Khi hai bên thống nhất khoản giảm trừ này bằng văn bản, bị đơn sẽ thanh toán số tiền gốc còn lại sau khi đã cần trừ số tiền giảm trừ là 276.261.904 đồng trong vòng 30 ngày.

Đối với khoản lãi nợ quá hạn bị đơn không công nhận, do nguyên đơn đã vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa, giao các chứng từ hàng hoá kèm theo không đúng với hàng hoá giao nhận thực tế. Bị đơn có quyền tạm ngừng việc thanh toán căn cứ theo khoản 1 và khoản 3 Điều 51 Luật thương mại 2005.

Tại phiên toà đại diện bị đơn xác định: Do F vi phạm hợp đồng, giao hàng không đúng quy cách theo hợp đồng, nên Công ty T không có nghĩa vụ thanh toán theo đơn giá hợp đồng, vì không có nghĩa vụ thanh toán nên không có nghĩa vụ trả lãi chậm thanh toán. Bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 147/2022/KDTM-ST ngày 29-9-2022 của Toà án nhân dân Quận 7 đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng Công ty V đối với bị đơn Công ty T về tranh chấp “hợp đồng mua bán hàng hóa”.

1. Buộc Công ty T trả cho Tổng Công ty V số tiền còn nợ theo hợp đồng mua bán số CSCECVN-SEA-DP73 SUPL-038 và Phụ lục hợp đồng số CSCECVN-SEA-DP73-SUPL-038-01 tổng số tiền 597.615.581 (năm trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm mười lăm nghìn năm trăm tám mươi một) đồng, gồm nợ gốc 498.610.954 (bốn trăm chín mươi tám triệu sáu trăm mười nghìn chín trăm năm mươi bốn) đồng, lãi chậm thanh toán 99.004.627 (chín mươi chín triệu không trăm lẻ bốn nghìn sáu trăm hai mươi bảy) đồng.

Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì người phải thi hành án còn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí sơ thẩm:

Bị đơn Công ty T chịu án phí sơ thẩm 27.905.000 (hai mươi bảy triệu chín trăm lẻ năm nghìn) đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn lại cho Tổng Công ty V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.440.000 (mười ba triệu bốn trăm bốn mươi nghìn) đồng, theo biên lai thu số AA/2019/0041903 ngày 01-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố H.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền thi hành án của đương sự theo luật định.

Sau khi Toà án nhân dân Quận 7 xét xử, ngày 13-10-2022, Công ty T có Đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm do bản án sơ thẩm phán quyết không đúng với thỏa thuận hợp đồng, không đúng với quy định của Luật Thương mại, cấp sơ thẩm chưa xem xét, kiểm chứng nhiều yếu tố làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn.

Tại phiên toà phúc thẩm,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Đề nghị cấp phúc thẩm y án sơ thẩm.

Bị đơn đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn đã giao hàng không đúng quy cách và chất lượng quy định trong hợp đồng nhưng vẫn lập hóa đơn theo đơn giá như hợp đồng, đến nay nguyên đơn chưa thực hiện khắc phục việc giao hàng sai quy cách nên bị đơn ngừng thanh toán tiền hàng theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 51 Luật Thương mại; Điều 3.5 của hợp đồng quy định “*Cuối mỗi tháng, hai bên cùng đối chiếu xác nhận công nợ kể cả tiền lãi nợ quá hạn phát sinh (nếu có) để làm cơ sở thanh toán*” nhưng trong các biên bản đối chiếu công nợ không thể hiện “*tiền lãi nợ quá hạn phát sinh*”; nguyên đơn đã vi phạm hợp đồng trước nhưng bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải thanh toán tiền hàng cho nguyên đơn theo đơn giá trong hợp đồng và tiền lãi chậm thanh toán là không có cơ sở. Bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải chịu trách nhiệm đối với vật liệu giao hàng không đúng quy cách, giảm trừ đơn giá gạch theo tỷ lệ độ dày bị thiếu hụt với tổng số tiền là 1.510.556.300 đồng; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp chủ đầu tư dự án phạt chậm tiến độ đối với nguyên đơn. Trường hợp nguyên đơn không chịu trách nhiệm thì đề nghị Tòa án chấp thuận cho bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 6 của Hợp đồng và không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào nữa.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 147/2022/KDTM-ST ngày 29-9-2022 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Tại phiên tòa, các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu thanh toán nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán số: CSCECVN-SEA-DP73-SUPL-038 ngày 15-5-2019 và Phụ lục Hợp đồng số: CSCECVN-SEA-DP73-SUPL-038.01 ngày 01-8-2019 về việc cung cấp gạch các loại. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa hai tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận; bị đơn có trụ sở tại Quận 7, Thành phố H nên Tòa án nhân

dân Quận 7 xét xử sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện hợp pháp của bị đơn có mặt tại phiên toà sơ thẩm ngày 29-9-2022, Đơn kháng cáo của bị đơn gửi đến Toà án cấp sơ thẩm ngày 13-10-2022 là còn trong thời hạn luật định, kháng cáo của bị đơn hợp lệ nên Toà án nhân dân Thành phố H giải quyết theo thủ tục phúc thẩm quy định tại điểm b khoản 3 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] *Xét kháng cáo của bị đơn đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do nguyên đơn đã giao hàng không đúng quy cách và chất lượng quy định trong hợp đồng.* Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền hàng còn thiếu liên quan đến 03 Hoá đơn giá trị gia tăng số 0000266, 0000267, 0000268 cùng ngày 25-11-2019. Theo đó, các hoá đơn này có tên hàng hoá là “gạch tráng men Rett Padouk Nut 15x121”, “gạch Rett TH2 Padouk Nut 30x60, phí gia công, phí xẻ rãnh”, “gạch Rett TH2 Padouk Nut 15x60, phí gia công”. Trong khi các mã gạch mà bị đơn cho rằng nguyên đơn giao không đúng quy cách là các mã “Point Grey (CT1) và Point Sand (S3) đã được bị đơn thanh toán trước đó cho nguyên đơn. Bị đơn không có khiếu nại về quy cách, chất lượng của các mã gạch theo 3 hoá đơn nêu trên. Đồng thời bị đơn xác nhận nhằm đảm bảo tiến độ chủ đầu tư vẫn cho phép sử dụng sản phẩm sai độ dày này vào công trình, thực tế công trình cũng đã được bên thi công bàn giao cho chủ đầu tư. Ngoài ra theo Biên bản đối chiếu công nợ từ ngày 15-5-2019 đến ngày 12-11-2020, bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền là 498.610.954 đồng theo 3 Hoá đơn giá trị gia tăng số 0000266, 0000267, 0000268. Do đó cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn nợ mua hàng còn thiếu và tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 3.4 Điều 3 của Hợp đồng là có căn cứ.

[3] *Xét kháng cáo của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn phải giảm trừ đơn giá gạch theo tỷ lệ độ dày bị thiếu hụt với tổng số tiền là 1.510.556.300 đồng; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp chủ đầu tư dự án phạt chậm tiến độ đối với nguyên đơn. Trường hợp nguyên đơn không chịu trách nhiệm thì đề nghị toà án chấp thuận cho bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 6 của Hợp đồng và không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào nữa.* Hội đồng xét xử nhận thấy, tại phiên toà phúc thẩm bị đơn xác định bị đơn chỉ nêu ý kiến, không có yêu cầu phản tố các vấn đề nêu trên tại cấp sơ thẩm, do đó căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 147/2022/KDTM-ST ngày 29-9-2022 của Toà án nhân dân Quận 7, Thành phố H.

[6] Theo điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định về việc Quyết định lãi, lãi suất trong bản án, quyết định của Tòa án; theo đó *“Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”*. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên *“Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì người phải thi hành án còn phải trả thêm tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án”* là chưa chính xác, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[7] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 147/2022/KDTM-ST ngày 29-9-2022 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố H.

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng Công ty V.

Buộc Công ty T trả cho Tổng Công ty V tổng số tiền hàng còn nợ là 597.615.581 (năm trăm chín mươi bảy triệu, sáu trăm mười lăm ngàn, năm trăm tám mươi một) đồng, trong đó nợ gốc 498.610.954 (bốn trăm chín mươi tám triệu, sáu trăm mười ngàn, chín trăm năm mươi bốn) đồng, lãi chậm thanh toán 99.004.627 (chín mươi chín triệu, không trăm lẻ bốn ngàn, sáu trăm hai mươi bảy) đồng.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng mua bán CSCECVN-SEA-DP73-SUPL-038 ngày 15-5-2019 và Phụ lục Hợp đồng số CSCECVN-SEA-DP73-SUPL-038.01 ngày 01-8-2019.

3. Về án phí kinh doanh thương mại:

Án phí sơ thẩm:

Công ty T phải chịu án phí là 27.905.000 (hai mươi bảy triệu, chín trăm lẻ năm nghìn) đồng

Tổng Công ty V không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho Tổng Công ty V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.440.000 (mười ba triệu, bốn trăm bốn mươi ngàn) đồng, theo biên lai thu số AA/2019/0041903 ngày 01-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố H.

Án phí phúc thẩm: Công ty T phải chịu án phí phúc thẩm 2.000.000 (hai triệu) đồng, nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 (hai triệu) đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0015025 ngày 04-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 7;
- Cục THADS TP.HCM
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Quỳnh Trâm

